TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 109/2026/QĐST- DS	*Quảng Ninh, ngày 18 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 298, 299, 317, 319, 320, 398, 463 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Đất đai; Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 6, khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2026, về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 202/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Q1; địa chỉ trụ sở chính: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Hoàng Q, ông Phạm Văn T, ông Hà Quang P - Chức vụ: Cán bộ ngân hàng TMCP Q1; địa chỉ: Tầng B, số H L, phường H, tỉnh Quảng Ninh là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền v/v nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng số 181687.26 ngày 11/6/2026.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990 và chị Đinh Thị Ngọc C, sinh năm 1995; nơi thường trú: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: phòng 0806 tầng 18 T2 chung cư F, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chấm dứt hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 105560684.24 ngày 21/08/2024 giữa anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C với Ngân hàng TMCP Q1; đề nghị mở thẻ tín dụng ngày 29/11/2024 giữa anh Nguyễn Văn T1 và Ngân hàng TMCP Q1.

2.2. Tính đến ngày 08/8/2026, anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C còn nợ Ngân hàng TMCP Q1 tổng số tiền là 1.947.533.673đ (một tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng), trong đó:

HỢP ĐỒNG	Nợ gốc (đồng)	Nợ lãi TH (đồng)	Nợ lãi QH (đồng)	Nợ phí (đồng)	Tổng (đồng)
105560684.24	1.499.895.864	43.754.459	231.131.086	0	1.774.781.409
Thẻ tín dụng	98.376.700	0	43.374.928	31.000.636	172.752.264
Tổng	1.598.272.564	43.754.459	274.506.014	31.000.636	1.947.533.673

2.3. Ngân hàng TMCP Q1 được tiếp tục tính lãi theo quy định kể từ ngày 09/8/2026 cho đến khi anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các hợp đồng tín dụng số 105560684.24 ngày 21/08/2024 giữa anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C với Ngân hàng TMCP Q1; đề nghị mở thẻ tín dụng ngày 29/11/2024 giữa anh Nguyễn Văn T1 và Ngân hàng TMCP Q1.

2.4. Về phương án trả nợ: trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 08/8/2026, anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C phải liên đới trả toàn bộ số tiền 1.947.533.673đ (một tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/8/2026 của tất cả các hợp đồng tín dụng tính giữa anh T1 và chị C với Ngân hàng TMCP Q1 đến ngày thực tế anh T1, chị C thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q1.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

2.5. Trường hợp anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C không trả

được toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Q1 có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 626,9m^2 đất được giới hạn bởi các điểm từ 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,1 và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 131, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn B, xã Q, tỉnh Quảng Ninh), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT 741835, số vào sổ cấp GCN: CH 00087 do UBND huyện H cấp ngày 01/02/2018 đứng tên ông Chu Văn C1 và bà Phạm Thị H. Ngày 17/06/2024, xác nhận sang tên anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C. Toàn bộ vật phụ, hoa lợi, lợi tức, các quyền tài sản hay tiền đền bù, bồi thường của cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba bất kì và toàn bộ các quyền, quyền lợi theo hợp đồng bảo hiểm ký giữa bên bên thế chấp và công ty B bất kì được bên nhận thế chấp chấp thuận; bất kỳ sự thay đổi (bao gồm cả việc xây dựng mới/ tạo lập thêm tài sản khác gắn liền trên thửa đất), sửa chữa, nâng cấp nào của bên thế chấp đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng TMCP Q1 (chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2819, quyển số: 08/2024 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2 công chứng ngày 21/08/2024). Có sơ đồ kèm theo.

2.6. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C với Ngân hàng TMCP Q1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân Hàng TMCP Q1.

2.7. Về chi phí tố tụng: anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C phải liên đới chịu 7.900.000đ (bảy triệu chín trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền 7.900.000đ (bảy triệu chín trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.8. Về án phí: anh Nguyễn Văn T1 và chị Đinh Thị Ngọc C phải liên đới chịu 35.213.005đ (ba mươi lăm triệu, hai trăm mười ba nghìn, không trăm linh

năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.768.350đ (bằng chữ: bốn mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng chẵn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001400 ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS, Lưu VP.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Phạm Thị Cúc